

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Nguyễn Huy Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Chi, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Ngọc L, sinh ngày 30/12/1988, tại thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 03, ấp AH, xã AH, thị xã TB, tỉnh AG; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ó, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1958 (đã chết); có chồng là Võ Hữu T, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; anh chị em có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Ông Võ Văn T1, sinh năm 1946, nơi cư trú: tổ 04, ấp AH, xã AH, thị xã TB, tỉnh AG; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Võ Hữu T, sinh năm 1988, nơi cư trú: tổ 03, ấp AH, xã AH, thị xã TB, tỉnh AG; vắng mặt.

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1968, nơi cư trú: khóm 1, phường CL, thị xã TB, tỉnh AG; vắng mặt.

Người làm chứng:

- Võ Văn Đ, sinh năm 1999; có mặt.
- Võ Anh T2, sinh năm 1976; có mặt.
- Lý Thị M, sinh năm 2000; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, từ tháng 9/2022 đến ngày 04/10/2022, Trần Ngọc L đột nhập vào nhà ông Võ Văn T1, sinh năm 1946 (cha chồng của L) tại tổ 04, ấp An Hòa, xã An Hảo, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên lấy trộm tài sản 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 16 giờ (không nhớ ngày) tháng 9/2022, L thấy ông T1 đang làm công việc ở phía sau nhà, nhà không người trông giữ nên nảy sinh ý định vào nhà ông T1 tìm tài sản lấy trộm. Để thực hiện, L lén lút đột nhập vào phòng ngủ của ông T1, mở tủ quần áo màu xanh trong phòng ngủ lấy trộm 06 chiếc nhẫn tròn, loại vàng 24 kara (05 chiếc trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ và 01 chiếc trọng lượng 10 chỉ). Lấy trộm xong, L Mang số vàng trộm được đến tiệm vàng Lê S (thuộc khu vực thị trấn (nay là phường) Chi Lăng, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên) bán được hơn 100.000.000 đồng, L mang 100.000.000 đồng trả nợ cho Công ty tài chính (chưa xác định tên, địa chỉ cụ thể), số tiền còn lại L tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Vào khoảng 09 giờ ngày 04/10/2022, L đang ở nhà biết ông T1 đi Vĩnh Long không có ở nhà, nhà không người trông giữ nên lén lút đột nhập vào phòng ngủ của ông T1, mở tủ quần áo màu xanh lấy trộm 20.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara kiểu móc xích trọng lượng 12 chỉ và 01 mặt dây chuyền 18 kara trọng lượng 0,7 chỉ (loại hình phật đá cẩm thạch màu xanh, có viền kim loại vàng) để vào trong túi quần bên phải rồi đi về nhà. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, L mang số vàng trộm được của ông T1 đến tiệm vàng Lê S (thuộc khu vực thị trấn (nay là phường) Chi Lăng, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên) bán được 35.000.000 đồng. Số tiền bán vàng và tiền trộm được, L đánh bạc thua hết 11.000.000 đồng, tiêu xài hết 1.700.000 đồng, còn lại 42.300.000 đồng L cất giữ.

Đến ngày 05/10/2022, ông T1 phát hiện tiền, vàng để trong tủ quần áo bị mất nên đến Công an trình báo sự việc. Cơ quan Công an mời L làm việc, L thừa nhận hành vi lấy trộm tiền, vàng của ông T1 và giao nộp lại số tiền 42.300.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên thu giữ tiền Việt Nam 42.300.000 đồng đã trả lại cho bị hại Võ Văn T1.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 1560/KL-HĐĐG.TTHS ngày 12/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên xác định: 05 chiếc nhẫn tròn, loại nhẫn trơn vàng 24 kara, mỗi chiếc nhẫn có khối lượng vàng 02 chỉ, tổng khối lượng là 10 chỉ, trị giá 52.900.000 đồng; 01 chiếc nhẫn tròn, loại nhẫn trơn vàng 24 kara, có khối lượng vàng là 10 chỉ, trị giá 52.900.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara, kiểu mắc xích, có khối lượng vàng là 12 chỉ, 01 mặt dây chuyền có khối lượng là 0,7 chỉ, tổng khối lượng là 12,7 chỉ, trị giá 41.910.000 đồng. Tổng giá trị của tài sản là 147.710.000 đồng.

Ngày 15/12/2022, Trần Ngọc L bị khởi tố, điều tra để xử lý.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSTB-HS ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên đã truy tố bị cáo Trần Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa,

Bị cáo L khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố; đồng ý bồi thường cho ông T1 số tiền 110.410.000 đồng.

Bị hại Võ Văn T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 110.410.000 đồng và có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng Võ Văn Đ, Võ Anh T2 có nghe ông T1 bị mất trộm tiền và vàng sau khi ông T1 đi Vĩnh Long về, không chứng kiến bị cáo lấy trộm tiền, vàng của ông T1.

Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Hữu T, Lê Văn S, người làm chứng Lý Thị M vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung truy tố.

Về tình tiết tăng nặng, bị cáo phải chịu tình tiết phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, tự thú về hành vi đã thực hiện; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Ngọc L từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung, bị cáo thuộc thành phần lao động, không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự, bị hại T1 đã nhận lại 42.300.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền bồi thường từ ông Võ Hữu T, có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại 110.410.000 đồng, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông T1 110.410.000 đồng.

Đối với việc bị cáo khai bán số vàng trộm cắp tại tiệm vàng Lê S nhưng ông S không thừa nhận. Ngoài lời khai của bị cáo, không còn chứng cứ khác để chứng minh nên chưa đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với ông S, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tịnh Biên tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Đối với việc bị cáo khai nhận đã sử dụng 11.000.000 đồng tiền bán tài sản trộm cắp mà có để đánh bạc, ngoài lời khai của bị cáo thì chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của người bán số lô đề cho bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tịnh Biên tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Ý kiến tranh luận của bị cáo, bị hại: Bị cáo L, bị hại T1 cùng có yêu cầu xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc cha già bị bệnh tai biến và các con còn nhỏ.

Ý kiến tranh luận đối đáp của Kiểm sát viên: Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại T1 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 167.710.000 đồng nên thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; bên cạnh đó, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên không đủ điều kiện để hưởng án treo quy định. Bên cạnh đó, mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện nên giữ mức hình phạt như đã đề nghị.

Bị cáo L, bị hại T1 không có ý kiến tranh luận bổ sung; trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng

của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Hữu T, Lê Văn S, người làm chứng Lý Thị M, vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp về thời gian, địa điểm và diễn biến về hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Theo đó, do cần tiền tiêu xài, trả nợ, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến ngày 04/10/2022, bị cáo 02 lần đột nhập vào nhà ông Võ Văn T1 (cha chồng) thuộc khu vực tổ 04, ấp An Hòa, xã An Hảo, thị xã Tịnh Biên để thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, cụ thể:

Vào khoảng 16 giờ, không nhớ ngày, tháng 9/2022, lợi dụng lúc ông T1 đang làm việc ở sau nhà, bị cáo đi vào phòng ngủ của ông T1, mở tủ quần áo màu xanh lén lút chiếm đoạt của bị hại T1 06 chiếc nhẫn tròn loại vàng 24kara (05 chiếc trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc trọng lượng 10 chỉ) và đem bán cho tiệm vàng Lê S được hơn 100.000.000 đồng. Kết quả định giá tài sản xác định, trị giá 06 chiếc nhẫn tròn loại vàng 24kara (05 chiếc trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc trọng lượng 10 chỉ) là 105.800.000 đồng.

Vào khoảng 09 giờ ngày 04/10/2022, lợi dụng ông T1 không có ở nhà, bị cáo L tiếp tục có hành vi đột nhập vào phòng ngủ của ông T1, mở tủ quần áo màu xanh lén lút chiếm đoạt của bị hại T1 số tiền 20.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara kiểu mắc xích trọng lượng 12 chỉ và 01 mặt dây chuyền 18 kara trọng lượng 0,7 chỉ (loại hình phật đá cẩm thạch màu xanh, có viên kim loại vàng) và đem bán cho tiệm vàng Lê S được 35.000.000 đồng. Kết quả định giá tài sản xác định, trị giá 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara kiểu mắc xích trọng lượng 12 chỉ và 01 mặt dây chuyền 18 kara trọng lượng 0,7 chỉ (loại hình phật đá cẩm thạch màu xanh, có viên kim loại vàng) là 41.910.000 đồng.

Lời khai của bị cáo còn phù hợp với các nguồn chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra và được thẩm tra tại phiên tòa như: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc cùng ngày 05/10/2022 do Công an xã An Hảo, huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên lập; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường

ngày 06/10/2022 do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên lập.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với lời khai của bị hại T1 về việc bị mất trộm 06 chiếc nhẫn tròn loại vàng 24kara (05 chiếc trọng lượng mỗi chiếc 02 chỉ, 01 chiếc trọng lượng 10 chỉ), số tiền 20.000.000 đồng, 01 sợi dây chuyền vàng 18 kara kiểu móc xích trọng lượng 12 chỉ và 01 mặt dây chuyền 18 kara trọng lượng 0,7 chỉ (loại hình phật đá cẩm thạch màu xanh, có viên kim loại vàng); lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Hữu T về việc có nghe ông T1 bị mất trộm tiền và vàng; lời khai người làm chứng Võ Anh T2, Võ Văn Đ, Lý Thị M về việc có nghe ông T1 bị mất trộm tiền và vàng vào ngày 05/10/2022.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo L 02 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại T1, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 167.710.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện vì động cơ vụ lợi, với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, trả nợ, xâm phạm quan hệ sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở độ tuổi lao động, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, trả nợ, bị cáo thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho những người dân sống xung quanh nơi xảy ra sự việc. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại T1 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 167.710.000 đồng; bên cạnh đó, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, với mục đích có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo có 02

tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên không đủ điều kiện để hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện 02 hành vi chiếm đoạt và giá trị của 02 lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên”; bên cạnh đó, bị hại Võ Văn T1, sinh năm 1946 là người trên 70 tuổi nên bị cáo phải chịu tình tiết phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên; đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi phạm tội xảy ra vào khoảng 16 giờ (không nhớ ngày) tháng 9/2022; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thuộc thành phần lao động nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên đã giao trả cho bị hại T1 số tiền thu giữ 42.300.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên không đề cập xử lý lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại T1 đã nhận lại số tiền 42.300.000 đồng và 15.000.000 đồng tiền bồi thường của ông Võ Hữu T (chồng bị cáo L), có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại 110.410.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T1 nên ghi nhận và buộc bị cáo bồi thường cho ông T1 110.410.000 đồng.

[9] Về trách nhiệm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Đối với việc bị cáo khai bán số vàng trộm cắp tại tiệm vàng Lê S nhưng ông S không thừa nhận. Ngoài lời khai của bị cáo, không còn chứng cứ khác để chứng minh nên chưa đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự đối với ông S, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tịnh Biên tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau và phù hợp.

Đối với việc bị cáo khai nhận đã sử dụng 11.000.000 đồng tiền bán tài sản trộm cắp mà có để đánh bạc, ngoài lời khai của bị cáo thì chưa xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của người bán số lô đề cho bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Trần Ngọc L: 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bắt chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Ngọc L bồi thường cho ông Võ Văn T1 số tiền 110.410.000 (một trăm mười triệu, bốn trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Ngọc L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 5.520.500 (năm triệu, năm trăm hai mươi nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Trần Ngọc L, bị hại Võ Văn T1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Võ Hữu T, Lê Văn S vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tịnh Biên (2);
- Cơ quan CSĐT - Công an TX. Tịnh Biên (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung